

Bản án số: 26/2021/HS-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán:

Ông Chung Văn Kết.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 535/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Chu văn T do có kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2020/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Chu văn T; sinh năm 1981 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú: Số 35, tổ 1, Phường N, thành phố Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn C và bà Phạm Thị H; có vợ là bà Đặng Thị Thanh N; có 02 người con (sinh năm 2005 và năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và bị kết án. Bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Trương Hoài P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu văn T và bà Đặng Thị Thanh N là vợ chồng. Hai người chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng từ tháng 7 năm 2019 bà N có quan hệ tình cảm với ông Võ Nhất Th sinh năm 2002.

Đến 08 giờ 30 phút ngày 20/10/2019, ông Th điện thoại rủ bà N đi uống nước và hẹn đón bà N ở đầu hẻm số 60, đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Sau khi nghe điện thoại bà N lái xe mô tô ra khỏi nhà, T nghi ngờ bà N hẹn đi chơi với người đàn ông khác nên điều khiển xe mô tô chạy theo sau bà N và T vào một quán cà phê trên đường Lê Thị Trung theo dõi bà N. Bà N chạy xe đến nhà bà Chu Thị mộng K gửi xe mô tô rồi đi bộ ra đầu hẻm số 60 đường Lê Thị Trung. Khi ông Th điều khiển xe mô tô đến đầu hẻm số 60, thì bà N lên xe của ông Th, lúc này T từ trong quán cà phê chạy ra dùng tay đánh vào người ông Th nhiều cái rồi nắm cổ áo ông Th kéo vào nhà bà K để nói chuyện. Lúc này bà N giằng co, ngăn cản T nên ông Th bỏ chạy. T điều khiển xe mô tô của ông Th đến quán cà phê Happy trên đường Huỳnh Văn Lũy, khu phố 1, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (cách nhà của T khoảng 200m) gửi xe tại quán rồi T đi bộ về nhà. Sau khi T bỏ đi, bà N đến gặp ông Th, ông Th yêu cầu bà N phải ly hôn để hai người được sống chung với nhau mà không phải lén lút, bà N đồng ý.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, bà N điện thoại kêu T đến nhà bà K để nói chuyện. Khi T đến, bà N viết đơn ly hôn và yêu cầu T ký đơn, T không đồng ý, T nói muốn gặp ông Th để xem nếu ông Th là người đàn ông hoàng thì T đồng ý ly hôn. Bà N gọi điện thoại kêu ông Th đến nhà bà K. Khi ông Th đến, T nói với ông Th là ông Th đang còn trẻ không lo sự nghiệp mà đi phá vỡ hạnh phúc gia đình của T, bản thân ông Th lo cho mình không được sao lo được cho vợ con của T. Ông Th nói giữa T và bà N sống không hạnh phúc thì chia tay, ông Th sẽ lo cho vợ của T và con gái của T, còn con trai thì T lo. Bà N và ông Th tiếp tục yêu cầu T phải ly hôn để bà N và ông Th chung sống với nhau. T tức giận trước thái độ của bà N và ông Th, T chạy xuống bếp nhà bà K lấy một dao (dạng dao Thái lan) dài 21cm đến đâm liên tiếp 06 nhát vào vùng lưng và cổ của ông Th. Ông Th bị T dùng dao đâm nên bỏ chạy ra ngoài đường hẻm rồi ngã gục xuống đất, sau đó ông Th được bà N và người dân đưa đi cấp cứu nhưng ông Th đã tử vong.

Sau khi đâm ông Th dao bị gãy rời phần lưỡi và cán, T ném dao trước hiên nhà bà K rồi bỏ trốn và gọi điện thoại nói bà N đến quán cà phê Happy lấy xe mô tô biển số 35N1- 156.98 trả lại cho gia đình của ông Th. Ngày 23/10/2019, T đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 824 ngày 21/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân Võ Nhất Th như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Thủng mặt sau thùy dưới phổi phải (do vết thương số 06); Thủng mặt sau thùy dưới phổi trái, có hai vết thủng phổi (hai vết thủng phổi này do vết thương số 04, 05 gây ra); Hai khoang màng phổi trái và phải chứa khoảng 1000ml máu không đông và 500gr máu đông.

2. Cơ chế hình thành vết thương và đặc điểm hung khí: Trên người nạn nhân có hai dạng vết thương: Các vết thương bầm tụ máu, sây sát da vùng đầu, mặt không gây tổn thương xương sọ, mô não và không dẫn đến chết cho nạn nhân. Các vết thương trên được hình thành theo cơ chế đập. Vùng cổ sau và vùng lưng có 06 vết thương thủng da cơ có bờ mép sắc gọn, chiều hướng từ ngoài vào trong, sau ra trước chéo trái qua phải trong đó có 03 vết thương (vết số 04, 05, 06) sâu thấu vào khoang màng phổi gây thủng phổi, làm mất nhiều máu dẫn đến chết cho nạn nhân. Các vết thương trên được hình thành theo cơ chế đâm.

- Đặc điểm hung khí: Các vết thương trên người nạn nhân do hai dạng hung khí gây ra: Các vết thương bầm tụ máu, sây sát da vùng đầu, mặt là do tác động ngoại lực của vật có mặt phẳng cứng, bề mặt trơn láng (như nón bảo hiểm...); Các vết thương thủng da cơ vùng cổ sau, lưng (06 vết thương) là do tác động ngoại lực của vật sắc nhọn có bản mỏng gây ra (như dao, dao dạng dao Thái Lan...).

3. Nguyên nhân chết: Choáng mất máu cấp do vết thương vùng lưng thấu vào khoang màng phổi gây thủng phổi.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKS.P2 ngày 08/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định: Truy tố bị cáo Chu văn T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Chu văn T phạm tội “Giết người”.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Chu văn T 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/8/2020 bị cáo Chu văn T kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Chu văn T khai nhận có thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xử, tuy nhiên với mức hình phạt mà tòa tuyên xử là quá khắt khe. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được sớm trở về sum họp gia đình nuôi dạy con còn nhỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo Chu văn T trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Chu văn T phạm tội “Giết người” là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo ý kiến: Thống nhất theo tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo 12 năm tù cũng đủ thời gian giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời thời hạn, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận của bị bị cáo, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Chu văn T và bà Đặng Thị Thanh N là vợ chồng. Hai người chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó bà N có quan hệ tình cảm với ông Võ Nhất Th sinh năm 2002.

Khoảng 8 giờ sáng ngày 20/10/2019 ông Th điện thoại rủ bà N đi uống nước, khi ông Th điều khiển xe mô tô đến đầu hẻm số 60 đường Lê Thị Trung, Khu phố 4, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đón bà N, thì T từ trong quán cà phê chạy ra dùng tay đánh vào người ông Th nhiều cái, bà N can ngăn T nên ông Th bỏ chạy.

Đến 11 giờ cùng ngày 20/10/2019, bà N điện thoại kêu T đến nhà bà Chu Thị mộng K để nói chuyện. Khi T đến, bà N viết đơn ly hôn và yêu cầu T ký tên nhưng T không đồng ý, T nói muốn gặp ông Th để xem nếu ông Th là người đang hoàng thì T đồng ý ly hôn. Bà N điện thoại kêu ông Th đến nhà bà K. Khi ông Th đến, T nói với ông Th là ông Th đang còn trẻ không lo sự nghiệp mà đi phá vỡ hạnh phúc gia đình của T, bản thân ông Th lo cho mình không được sao lo được cho vợ con của T. Ông Th nói giữa T và bà N sống không hạnh phúc thì chia tay, ông Th sẽ lo cho vợ của T và con gái của T, còn con trai thì T lo. Bà N và ông Th tiếp tục yêu cầu T phải ly hôn để bà N và ông Th được sống chung với nhau. Tức giận trước thái độ của bà N và ông Th, T liền chạy xuống bếp nhà bà K lấy một dao (dao Thái lan) dài 21cm đâm liên tiếp 06 nhát vào vùng lưng và cổ của ông Th. Ông Th bị đâm nên bỏ chạy ra ngoài đường hẻm rồi ngã gục xuống đất. Sau đó bà N cùng mọi người đưa ông Th đi cấp cứu nhưng ông Th đã tử vong. Đến ngày 23 tháng 10 năm 2019 T ra đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 824 ngày 21/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân Võ Nhất Th: Choáng mất máu cấp do vết thương vùng lưng thấu vào khoang màng phổi gây thủng phổi.

Do đó Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Chu văn T phạm tội “Giết người” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tính mạng con người, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân bị cáo chưa từng bị kết án, nguyên nhân xảy ra vụ án có một phần lỗi của bị hại đã quan hệ tình cảm với vợ của bị cáo. Khi gặp nhau, bị hại cũng có lời lẽ khiêu khích đối với bị cáo.

Sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyện ra đầu thú, đã thật thà khai báo, năn nỉ cải, đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, gia đình bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Nhất Th có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trước khi phạm tội có xác nhận bị cáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và thực hiện tốt các quy định tại địa phương. Xét đây là các tình tiết giảm nhẹ mới mà chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo.

Nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Chu văn T cũng đủ thời gian cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và cũng đảm bảo việc răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Chu văn T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng; Về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu văn T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Chu văn T.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Chu văn T 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Chu văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng; Về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hồng